

 làm ơn	 Cảm ơn	Danke Cảm ơn bạn đã giúp đỡ tôi. Danke für deine Hilfe. Lektion 6 · Höfliche Bitten	Bitte Làm ơn mở cửa giúp tôi. Bitte öffne die Tür. Lektion 6 · Höfliche Bitten
 Không có chi	 Xin lỗi	Entschuldigen Sie Xin lỗi, tôi cần giúp đỡ. Entschuldigen Sie, ich brauche Hilfe. Lektion 6 · Höfliche Bitten	Gern geschehen Không có chi. Gern geschehen. Lektion 6 · Höfliche Bitten
 xin lỗi	 Bạn có thể giúp tôi không?	Könntest du mir helfen? Bạn có thể giúp tôi không? Könntest du mir helfen? Lektion 6 · Höfliche Bitten	Tut mir leid. Tôi xin lỗi. Es tut mir leid. Lektion 6 · Höfliche Bitten
 Bạn có thể nhắc lại ... không?	 Bạn có thể nói chậm hơn được không?	Könntest du langsamer sprechen? Bạn có thể nói chậm hơn được không? Könntest du langsamer sprechen? Lektion 6 · Höfliche Bitten	Könntest du das bitte wiederholen? Bạn có thể nhắc lại câu đó không? Könntest du das bitte wiederholen? Lektion 6 · Höfliche Bitten

 Cho tôi ... được không	 tôi muốn	Ich hätte gerne Tôi muốn thêm một chút trà. Ich hätte gerne noch etwas Tee. Lektion 6 · Höfliche Bitten	Könnte ich bitte ... haben? Cho tôi nước được không? Könnte ich bitte Wasser haben? Lektion 6 · Höfliche Bitten
 Cho tôi ...	 Tôi ... có được không	Ist es in Ordnung, wenn...? Tôi ngồi có được không? Ist es in Ordnung, wenn ich mich setze? Lektion 6 · Höfliche Bitten	Darf ich? Cho tôi xin một chút nước được không? Darf ich etwas Wasser bekommen? Lektion 6 · Höfliche Bitten
 Tôi không hiểu	 Bạn có thể nhắc lại không?	Könntest du das bitte wiederholen? Bạn có thể nhắc lại không? Könntest du das bitte wiederholen? Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen	Ich verstehe nicht Tôi không hiểu. Ich verstehe nicht. Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen
 Chậm hơn một chút ạ	 Điều đó có nghĩa là gì?	Was bedeutet das? Điều đó có nghĩa là gì? Was bedeutet das? Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen	Langsamer bitte. Chậm hơn một chút ạ. Langsamer bitte. Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen

 Nói cái đó bằng ... như thế nào?	 Đánh vần ... như thế nào?	Wie buchstabiert man das? Bạn đánh vần từ đó như thế nào? Wie buchstabiert man das? Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen	Wie sagt man das auf ...? Nói cái đó bằng tiếng Tây Ban Nha như thế nào? Wie sagt man das auf Spanisch? Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen
 Bạn có thể viết ... ra được không?	 Bạn có thể cho tôi xem ... không?	Kannst du mir zeigen? Bạn có thể cho tôi xem bức ảnh đó không? Kannst du mir das Foto zeigen? Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen	Kannst du es bitte aufschreiben? Bạn có thể viết nó ra được không? Kannst du es bitte aufschreiben? Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen
 Bạn có nói ... không?	 Chờ một chút ạ	Einen Moment bitte. Chờ một chút ạ. Einen Moment bitte. Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen	Sprichst du ...? Bạn có nói tiếng Anh không? Sprichst du Englisch? Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen
 Tôi nghĩ vậy	 Tôi không biết	Ich weiß nicht Tôi không biết. Ich weiß nicht. Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen	Das glaube ich. Tôi cũng nghĩ vậy. Das glaube ich auch. Lektion 8 · Verstehen & Nachfragen